

Số: 71/2024/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 17 tháng 09 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH T

Căn cứ vào Điều 149, 212, 213, 370 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 6, Điều 35, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 08 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Anh: Cao Văn C - Sinh ngày: 07/09/1991.

+ Chị: Trịnh Thị N - Sinh ngày: 27/03/2002.

Đều có địa chỉ: Bản É, xã P, huyện Q, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn C và chị Trương Thị N tự do tìm hiểu yêu đương, không bị ai ép buộc, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 07 năm 2020 tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng chung sống hòa thuận tại bản É, xã P, huyện Q sinh sống. Trong quá trình chung sống đến khoảng đầu năm 2022 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt không có hạnh

phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên gia đình đã hòa giải, nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không cải thiện được, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, xét thấy cuộc sống vợ, chồng không còn hạnh phúc nên anh, chị đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh, chị có với nhau 01 con chung tên cháu là: Cao Nam P (sinh ngày: 15/04/2020), hiện cháu ở với mẹ. Nay ly hôn, cả hai vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Cao Nam P cho chị Trương Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh, chị không có yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về lệ phí việc dân sự: Vợ chồng thỏa thuận chị Trương Thị N là người nộp lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm.

Ngày 09/09/2024 Tòa án nhân dân huyện Q đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; việc không chia tài sản chung; việc chịu lệ phí dân sự sơ thẩm. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con. Các đương sự đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của họ. Vì vậy, có đủ điều kiện để công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh Cao Văn C và chị Trương Thị N .

- Về con chung: Anh, chị có 01 con chung, tên các cháu là: tên cháu là: Cao Nam P (sinh ngày: 15/04/2020). Nay ly hôn, cả hai vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Cao Nam P cho chị Trương Thị N là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi;

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Anh C , chị N có quyền làm đơn đề nghị thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên Tòa án không xét.
- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020 ngày 09/7/2020 của UBND xã P , huyện Q , tỉnh T , hết giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị N là người nộp lệ phí việc HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo thỏa thuận của vợ chồng. Được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí việc HN&GD sơ thẩm chị đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006545, ngày 26/08/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q a, tỉnh T .

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Những người yêu cầu;
- VKSND huyện Q (03 bản);
- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh T ;
- Chi cục THADS huyện Q , T. T ;
- UBND xã P , H. Quan Hóa, T. T
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thanh